

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HS-ST
Ngày: 16-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Phạm Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 115/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Triệu Quang H, sinh năm 1999 tại Cao Bằng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm C, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Quang H1 và bà Lê Thị B; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HSST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng xử phạt Triệu Quang H 13 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 26 tháng, tính từ ngày tuyên án; tiền sự: không; bị cáo đầu thú ngày 18 tháng 9 năm 2022 và tạm giữ, đến ngày 23 tháng 9 năm 2022 tạm giam, có mặt.

- Bị hại: Chị H Út N, sinh năm 1997; hộ khẩu thường trú: Buôn B, xã P, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú: số nhà 18, ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Công ty TNHH Một thành viên L; địa chỉ: số 1/10, khu phố L 2, phường G, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Trịnh Thanh M, sinh năm 1971; nơi cư trú: số 1A4/88, khu phố L 2, phường G, thị xã A, tỉnh Bình Dương. Chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 3701046858, đăng ký lần đầu: ngày 23 tháng 10 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 4: ngày 01 tháng 4 năm 2014 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp), vắng mặt.

2. Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng V SMBC (VPB SMBC FC); địa chỉ: Tầng 02, Tòa nhà Ree Tower, số 9, đường B, phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Lê Nhật T, sinh năm 1995; hộ khẩu thường trú: số 71, đường Lê Hồng P, khu phố 6, phường 3, thị xã T, tỉnh Quảng Trị; tạm trú: khu phố 3, thị trấn K, huyện Q, tỉnh Bình Phước. Chức vụ: Chuyên viên điều tra, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 12 năm 2022), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Triệu Quang H và chị H Út N do ở trọ gần nên quen biết nhau. Khoảng 17 giờ ngày 14 tháng 9 năm 2021, H đi bộ đến phòng trọ của chị H Út N ở đường N12-LH, khu phố S, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương hỏi mượn xe mô tô hiệu Honda Vario 125 màu đen, biển số 47U1-188.96 của chị H Út N để đi rút tiền. Chị H Út N đồng ý và giao xe mô tô biển số 47U1-188.96 cho H. H điều khiển xe mô tô biển số 47U1-188.96 đi đến cây ATM rút số tiền 400.000 đồng. Lúc này, do thiếu tiền tiêu xài nên H nảy sinh ý định bán xe mô tô biển số 47U1-188.96. H điều khiển xe mô tô biển số 47U1-188.96 đến tiệm sửa xe gắn máy (không rõ tên, địa chỉ) thuộc khu vực thành phố M, tỉnh Bình Dương và bán với giá 10.000.000 đồng cho người đàn ông (không rõ lai lịch). Sau đó, H bỏ trốn và đã tiêu xài hết số tiền do phạm tội mà có. Đến ngày 25 tháng 11 năm 2021, do không thấy H trả xe mô tô biển số 47U1-188.96 nên chị H Út N đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng trình báo sự việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với H. Do H bỏ trốn nên ngày 28 tháng 7 năm 2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã ra Quyết định truy nã bị can số 05QĐTĐTN-HS đối với H. Đến ngày 18 tháng 9 năm 2022, Huy đến trụ sở Công an xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng đầu thú.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như Cáo trạng truy tố; bị hại H Út N không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty TNHH Một thành viên L và Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng V SMBC (VPB SMBC FC) vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố, Công ty L và Công ty VPB SMBC FC không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 01 xe mô tô, biển số 47U1-188.96, nhãn hiệu Honda, số loại Vario 125, màu đen, số khung MH1JM5119MK823009, số máy JM51E1822627, xe đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 7 năm 2021, xe đã qua sử dụng, thời điểm định giá tháng 9 năm 2021, trị giá 42.750.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo H và bị hại H Út N không có ý kiến gì về kết luận định giá. Quá trình điều tra, truy tố, Công ty L và Công ty VPB SMBC FC không có ý kiến gì về kết luận định giá.

Xe mô tô biển số 47U1-188.96 có Giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 47001590, ngày 14 tháng 7 năm 2021 do Công an huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp cho chị H Út N đứng tên chủ xe, bị cáo H đã bán cho người đàn ông không rõ lai lịch, không xác định được địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình tố tụng, bị hại H Út N có ý kiến như sau: xe mô tô biển số 47U1-188.96 do chị H Út N mua của Công ty L ngày 02 tháng 7 năm 2021 với giá 43.000.000 đồng, mua bằng hình thức trả góp (thông qua vay Ngân hàng V - FE Credit) trong thời gian 02 năm nên tiền lãi là 19.000.000 đồng, tổng số tiền chị H Út N phải trả là 62.000.000 đồng. Chị H Út N trả trước 19.000.000 đồng, Ngân hàng trả số tiền 43.000.000 đồng. Chị H Út N có nghĩa vụ trả góp hàng tháng cho Ngân hàng, mỗi tháng 2.898.000 đồng, chị H Út N đã trả được 05 kỳ. Hiện nay, chị H Út N ngưng đóng 07 tháng vì mới sinh con nhỏ không đi làm, gia đình khó khăn. Giấy đăng ký xe mô tô này hiện do Ngân hàng giữ. Nay, chị H Út N yêu cầu bị cáo H bồi thường thiệt hại số tiền 42.750.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty L không có yêu cầu gì.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty VPB SMBC FC có ý kiến như sau: Công ty VPB SMBC FC xác nhận có Hợp đồng tín dụng số 20210702-5956928 ký kết với khách hàng H Út N vào ngày 02

tháng 7 năm 2021 (Hợp đồng). Nội dung: khách hàng mua trả góp xe mô tô biển số 47U1-188.96 của Công ty L với số tiền vay 45.150.000 đồng (đã bao gồm 2.150.000 đồng phí bảo hiểm khoản vay) trả trong 24 kỳ. Hợp đồng đã được thanh toán 12.748.000 đồng tương đương 05 kỳ góp, còn 19 kỳ với dư nợ gốc là 38.827.823 đồng. Do khoản vay chưa tất toán nên xe mô tô biển số 47U1-188.96 vẫn là tài sản thế chấp của chị H Út N với Công ty VPB SMBC FC theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 20210702-5956928. Công ty VPB SMBC FC đề nghị khách hàng H Út N tiếp tục thực hiện thanh toán từng kỳ hoặc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán bằng cách đóng 38.827.823 đồng là số tiền thanh lý hợp đồng. Đối với xe mô tô biển số 47U1-188.96, nếu cơ quan chức năng thu hồi được thì trả cho khách hàng nếu khách hàng tiếp tục thực hiện theo hợp đồng; trường hợp tài sản không thu hồi được thì Công ty VPB SMBC FC vẫn yêu cầu chị H Út N thực hiện các điều khoản theo hợp đồng. Công ty VPB SMBC FC không có yêu cầu gì đối với bị cáo H và Công ty L.

Đối với người mua tài sản do bị cáo H chiếm đoạt không xác định được, Cơ quan điều tra đang xác minh làm rõ, khi nào có kết quả xử lý sau.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKS-BB ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Triệu Quang H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Huy từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại H Út N yêu cầu bị cáo H bồi thường thiệt hại số tiền 42.750.000 đồng nên buộc bị cáo H bồi thường số tiền này cho bị hại H Út N.

Tại phiên tòa, bị cáo H và bị hại H Út N không tranh luận gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên; bị cáo H đồng ý bồi thường số tiền 42.750.000 đồng theo yêu cầu của bị hại H Út N.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty L và Công ty VPB SMBC FC vắng mặt tại phiên tòa nhưng không trở ngại cho việc giải

quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[1.2] Các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án đã được Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình tố tụng, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng này là hợp pháp.

[1.3] Riêng Danh bản và Chỉ bản của bị cáo do Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng thu thập trong quá trình điều tra không có mã vạch tại nơi dán mã vạch của Danh bản và Chỉ bản là không đúng theo biểu mẫu số 186 và biểu mẫu số 187 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự nên cần bổ sung, khắc phục trong quá trình điều tra, truy tố những vụ án khác sau này.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H khai nhận: vào khoảng 17 giờ ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại khu phố S, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo đã có hành vi mượn xe mô tô biển số 47U1-188.96 của bị hại H Út N đi rút tiền, sau đó bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã bán xe mô tô này cho người đàn ông không rõ lai lịch với giá 10.000.000 đồng và tiêu xài hết. Trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 42.750.000 đồng.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Cáo trạng truy tố bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết.

[4] Vì tham lam tư lợi, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của bị hại cho bị cáo mượn xe mô tô, sau đó bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt bằng cách bán xe mô tô của bị hại lấy tiền tiêu xài. Hành vi phạm tội của bị cáo là liêu lĩnh, bất chấp bị phát hiện. Xét về yếu tố lỗi, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Về việc chấp hành Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HSST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng của bị cáo H:

Tại Công văn số 194/CQTHADS ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q: bị cáo H đã thi hành xong khoản án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng vào ngày 11 tháng 9 năm 2018, không còn khoản nào phải thi hành. Tại Công văn số 102/CQTHAHS ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Q: bị án H không chấp hành nghĩa vụ,

vi phạm cam kết, nội quy không có mặt tại địa phương nên không thể cấp giấy chứng nhận chấp hành xong thời gian thử thách từ ngày 20 tháng 9 năm 2020.

Xét thấy, trường hợp người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập biên bản vi phạm, đồng thời yêu cầu người được hưởng án treo phải có mặt trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm. Hết thời hạn này mà người được hưởng án treo vẫn không có mặt thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập biên bản vi phạm và đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện nơi người được hưởng án treo cư trú quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 8 Điều 16 và khoản 1 Điều 93 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Việc Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Q không cấp giấy chứng nhận chấp hành xong cho H là không phù hợp. Căn cứ nguyên tắc có lợi cho bị cáo, tính đến hết ngày 20 tháng 9 năm 2020, bị cáo H đã chấp hành xong Bản án hình sự sơ thẩm số 08.

Trong thời hạn 01 năm để xem xét đương nhiên xóa án tích cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 70 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, ngày 14 tháng 9 năm 2021 bị cáo vẫn còn tiền án nhưng lại phạm tội mới; lần phạm tội này của bị cáo cũng tội xâm phạm sở hữu. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bỏ trốn, gây khó khăn cho quá trình điều tra, truy tố. Điều này thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo đầu thú, bị cáo là người dân tộc thiểu số theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong vụ án này, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng bị cáo không phải phạm tội lần đầu, không thể hiện sự ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm (là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017), đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt tù đối với bị cáo tại phiên tòa là còn nhẹ, Hội đồng xét xử quyết định cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian với mức hình phạt tù cao hơn đề nghị của Kiểm sát viên để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại; vấn đề dân sự trong vụ án:

Bị hại H Út N yêu cầu bị cáo H bồi thường thiệt hại số tiền 42.750.000 đồng; tại phiên tòa bị cáo H đồng ý bồi thường số tiền này cho bị hại H Út N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử buộc bị cáo H có trách nhiệm bồi thường cho bị hại H Út N số tiền 42.750.000 đồng.

Đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty VPB SMBC FC không có liên quan đến việc xác định cấu thành tội phạm, đến việc xem xét tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự, khi có yêu cầu theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty L không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với người mua xe mô tô biển số 47U1-188.96, khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Triệu Quang H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Triệu Quang H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 9 năm 2022.

[2] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại; vấn đề dân sự trong vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự: buộc bị cáo Triệu Quang H có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại H Út N số tiền 42.750.000 đồng (bốn mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Căn cứ vào Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: tách yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng V SMBC (VPB SMBC FC) để giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự, khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.137.500 đồng (hai triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Công thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Xuyên